NHỮNG THÔNG ĐIỆP LỊCH SỬ TRONG *LỜI KÊU GỌI TOÀN QUỐC KHÁNG CHIẾN* CỦA CHỦ TỊCH HỒ CHÍ MINH

PGS, TS. TRẦN THỊ MINH TUYẾT(*)

Lịch sử của dân tộc Việt Nam là lịch sử của những cuộc kháng chiến chống ngoại xâm để bảo vệ nền độc lập dân tộc. Là biểu tượng của khát vọng độc lập, tự do, Chủ tịch Hồ Chí Minh từng tuyên bố trong *Tuyên ngôn độc lập*: "Nước Việt Nam có quyền hưởng tự do và độc lập, và sự thực đã thành một nước tự do và độc lập. Toàn thể dân Việt Nam quyết đem tất cả tinh thần và lực lượng, tính mệnh và của cải để giữ vững quyền tự do và độc lập ấy"[1]. Thực hiện lời nguyện thề thiêng liêng đó, trước hành động xâm lăng của thực dân Pháp, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã viết nên *áng thiên cổ hùng văn* trong thời đại mới với tên gọi: "*Lời kêu gọi toàn quốc kháng chiến*".

Thắng lợi của Cách mạng Tháng Tám hơn 70 năm về trước là một bước ngoặt lịch sử của dân tộc Việt Nam. Tuy nhiên, chính quyền cách mạng non trẻ ngay lập tức phải đối mặt với nguy cơ giặc đói, giặc dốt, giặc ngoại xâm và sự chống phá điên cuồng của những tổ chức phản động người Việt. Điều nguy hại hơn cả là thực dân Pháp nuôi dã tâm tái chiếm Đông Dương. Để đẩy lùi chiến tranh, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã ký với đại diện Chính phủ Pháp *Hiệp định Sơ bộ* (ngày 06/3/1946) và *Tạm ước 14/9*. Tuy nhiên, những kẻ đứng đầu bộ máy của Pháp ở Đông Dương lúc đó đều là những kẻ có đầu óc thực dân. Sau khi ra sức khiêu chiến, trong 2 ngày (18 - 19/12/1946), đại diện quân đội Pháp đã gửi 3 tối hậu thư yêu cầu Chính phủ Việt Nam phải giải tán lực lượng tự vệ, đình chỉ mọi hoạt động chuẩn bị kháng chiến và giao quyền kiểm soát an ninh trật tự ở Hà Nội cho quân đội Pháp. Chúng còn ngang ngược tuyên bố, nếu các yêu cầu trên không được Chính phủ Việt Nam chấp nhận thì chậm nhất vào sáng 20/12/1946, quân Pháp sẽ hành động.

Trước tình thế cấp bách, tại làng Vạn Phúc (Hà Đông), Thường vụ Trung ương Đảng đã họp Hội nghị mở rộng do Chủ tịch Hồ Chí Minh chủ trì. Hội nghị nhận định khả năng hòa hoãn với Pháp đã hết, sự nhân nhượng đã đến giới hạn cuối cùng, nhân nhượng hơn nữa là phạm đến nền độc lập thiêng liêng của Tổ quốc. Vì thế, Thường vụ

(*) Học viện Báo chí và Tuyên truyền, Học viện CTQG Hồ Chí Minh

[1] Hồ Chí Minh, *Toàn tập*, t.4, Nxb CTQG, HN. 2011, tr.3

Trung ương Đảng đã thông qua quyết định *phát động cuộc kháng chiến chống Pháp trên phạm vi toàn quốc*. Để hiệu triệu toàn dân đứng lên chống Pháp, Hồ Chủ tịch đã thay mặt Trung ương Đảng, Chính phủ viết *Lời kêu gọi toàn quốc kháng chiến*. Trong cuộc họp chiều ngày 19/12/1946, Người đề nghị Hội nghị đóng góp ý kiến cho văn bản đã soạn thảo. Vì thế, đây không phải là lời kêu gọi của riêng Chủ tịch Hồ Chí Minh mà là lời kêu gọi của Đảng cách mạng, của Chính phủ kháng chiến mà Hồ Chí Minh là linh hồn và thủ lĩnh tối cao.

Theo kế hoạch, vào 20 giờ ngày 19/12/1946, hiệu lệnh toàn quốc kháng chiến được phát ra. Đại bác từ pháo đài Láng rền vang, cả dân tộc Việt Nam nhất tề đứng lên chiến đấu với kẻ thù. Sáng sớm ngày 20/12/1946, qua sóng phát thanh của Đài Tiếng nói Việt Nam, *Lời kêu gọi toàn quốc kháng chiến* của Chủ tịch Hồ Chí Minh vang vọng khắp núi sông. Báo *Cứu quốc* và các tờ báo lớn, như *Đông kinh Nghĩa Thục, Cảm tử, Tiền phong, Chiến thắng*, đều trang trọng đăng *Lời kêu gọi* của Người. *Lời kêu gọi toàn quốc kháng chiến* của Hồ Chí Minh là lời đáp trả đầy khí phách của dân tộc Việt Nam trước sức mạnh của cường quyền và bạo ngược. Lời hiệu triệu của Chủ tịch Hồ Chí Minh trong giờ phút sinh tử chỉ có 197 từ, nhưng hàm chứa trong đó là ***những thông điệp lịch sử có giá trị trường tồn***. Đó là:

Thứ nhất, Hồ Chủ tịch chỉ ra *nguyên nhân cuộc chiến tranh*. Mở đầu *Lời kêu gọi*, Người viết: "Chúng ta muốn hòa bình, chúng ta phải nhân nhượng. Nhưng chúng ta càng nhân nhượng, thực dân Pháp càng lấn tới, vì chúng quyết tâm cướp nước ta lần nữa!"[2]. Với lời luận tội đanh thép đó, Hồ Chí Minh chỉ rõ, chính lực lượng hiếu chiến của Chính phủ Pháp ở Đông Dương đã cắt đứt mọi nẻo đường hòa bình đi đến độc lập, tự do, đã đẩy hai dân tộc Việt - Pháp vào cuộc chiến tranh tương tàn. Trong hoàn cảnh "cây muốn lặng mà gió chẳng ngừng", dân tộc Việt Nam không còn sự lựa chọn nào khác ngoài con đường phải cầm súng tự vệ. Nhìn lại lịch sử Việt Nam trong thế kỷ XX, có những người võ đoán cho rằng, Việt Nam có thể tránh được hai cuộc chiến tranh thảm khốc. Để tránh được chiến tranh có một cách đó là cam chịu *làm nô lệ* - điều mà một dân tộc có phẩm giá không bao giờ chấp nhận. Mở đầu *Lời kêu gọi*, bằng cách chỉ ra nguyên nhân sâu xa của chiến tranh và khẳng định tính chính nghĩa của dân tộc Việt Nam, Hồ Chí Minh đã chuẩn bị cho dân tộc một thế đứng hợp pháp, điểm tựa tinh thần vững chắc, ngọn cờ chính nghĩa để tập hợp lực lượng trên quy mô dân tộc và quốc tế.

Thứ hai, trong hoàn cảnh buộc phải cầm vũ khí, Hồ Chủ tịch đã thay mặt nhân dân Việt Nam *khẳng định quyết tâm chiến đấu đến cùng vì nền độc lập thiêng liêng của Tổ quốc*. Người tuyên bố: "Chúng ta thà hy sinh tất cả, chứ nhất định không chịu mất nước, nhất định không chịu làm nô lệ. Hỡi đồng bào! Chúng ta phải đứng lên!"[3]. Lời hiệu triệu mạnh mẽ đã thể hiện quan điểm quân sự sắc bén của Hồ Chí Minh: Phải dùng bạo lực cách mạng chống lại bạo lực phản cách mạng. Dân tộc Việt Nam luôn khao khát hòa bình, nhưng phải là *hòa bình trong độc lập, tự do, hòa bình trong nhân phẩm và bình đẳng*. Do bản chất ngoan cố của những kẻ cướp nước, nên không thể cầu xin một nền hòa bình chân chính.

Là một nhà duy vật biện chứng, Hồ Chí Minh lường trước những gian khổ, mất mát, hy sinh mà dân tộc ta sẽ phải trải qua khi bước vào cuộc chiến không cân sức. Mặt khác, Người luôn thấu hiểu truyền thống bất khuất, khát vọng độc lập của nhân dân Việt Nam. Đặc biệt, nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa vừa mới được khai sinh, ánh sáng của độc lập, tự do đã làm mỗi người

[2 và 3] Hồ Chí Minh, *Sđd*, t.4, tr.534 và 534

dân Việt Nam cảm nhận niềm hạnh phúc khi được làm dân của một nước độc lập. Vì thế, khi Tổ quốc lâm nguy, khẩu hiệu "*Dân tộc trên hết*", "*Tổ quốc hay là chết*" đã trở thành lẽ sống của mỗi con người bình dị. Hiểu dân và tin dân, Hồ Chí Minh đã thay mặt toàn thể nhân dân Việt Nam khẳng định quyết tâm bảo vệ đến cùng nền độc lập dân tộc. Đây là giá trị cao quý nhất của dân tộc Việt Nam và nhân dân Việt Nam sẵn sàng hy sinh các giá trị khác, kể cả quyền được sống để bảo vệ giá trị này. Khi một dân tộc sẵn sàng hy sinh tất cả để bảo vệ nền độc lập dân tộc thì đương nhiên nền độc lập ấy sẽ mãi trường tồn.

Thứ ba, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã phác họa mô hình một cuộc chiến tranh nhân dân. Quy luật của chiến tranh là "mạnh được, yếu thua", nên để *thành công* thì nhân dân Việt Nam không chỉ cần *quyết đánh* mà còn phải *biết đánh,* biết cách hóa giải những khó khăn về vật chất. Vì thế, khi kêu gọi "Hỡi đồng bào! Chúng ta phải đứng lên", nhà chiến lược quân sự thiên tài Hồ Chí Minh đã phác họa mô hình *chiến tranh nhân dân*: "Bất kỳ đàn ông, đàn bà, bất kỳ người già, người trẻ, không chia tôn giáo, đảng phái, dân tộc. Hễ là người Việt Nam thì phải đứng lên đánh thực dân Pháp để cứu Tổ quốc"[4]. Trong tư tưởng Hồ Chí Minh, tổ chức kháng chiến toàn dân tức là mỗi con người ở bất kỳ lĩnh vực hoạt động nào, với bất cứ vũ khí và công cụ nào cũng đều phải nỗ lực hết mình tham gia kháng chiến. Vì thế, Người viết: "Ai có súng dùng súng. Ai có gươm dùng gươm, không có gươm thì dùng cuốc, thuổng, gậy gộc. Ai cũng phải ra sức chống thực dân Pháp cứu nước"[5]. Nếu các nhà quân sự phong kiến thường đề cao vai trò của tướng lĩnh, các nhà quân sự tư sản thường dựa vào quân đội nhà nghề với binh khí, kỹ thuật hiện đại thì Hồ Chí Minh biết dựa vào sức mạnh vô địch là nhân dân. Chính tư tưởng này của Người đã hình thành nên ở Việt Nam cuộc chiến tranh không giới tuyến, khiến kẻ thù bị sa vào "thiên la địa võng", không có đường ra. Thực hiện mô hình chiến tranh nhân dân kỳ diệu đó, nhân dân Việt Nam đã chiến thắng một đội quân viễn chinh tưởng chừng *bất khả chiến bại.* Tư tưởng chiến tranh nhân dân của Hồ Chí Minh vừa có giá trị lý luận khi làm nên một cuộc cách mạng trong nghệ thuật quân sự thế giới, vừa có giá trị thực tiễn khi mang lại cho các dân tộc bị áp bức con đường để tự cứu lấy mình. Vì thế, cố Thủ tướng Phạm Văn Đồng đã đúc kết: "Hiếm có ở nơi đâu, chiến tranh nhân dân trong thực tế lại đúng với tên gọi của nó như vậy, thực sự sâu rộng trong nhân dân và thực sự vô địch như nhân dân... Vì vậy, cống hiến lớn nhất của Hồ Chí Minh vào lý luận về phương pháp cách mạng chính là *lý luận về chiến tranh nhân dân*"[6].

Thứ tư, Hồ Chí Minh kêu gọi tinh thần chiến đấu, hy sinh của lực lượng vũ trang cách mạng. Cùng với kêu gọi toàn thể nhân dân tham gia kháng chiến, Hồ Chí Minh kêu gọi: "Hỡi anh em binh sĩ, tự vệ, dân quân! Giờ cứu nước đã đến. Ta phải hy sinh đến giọt máu cuối cùng, để giữ gìn đất nước"[7]. Ở đây, Hồ Chí Minh thể hiện quan điểm toàn dân kháng chiến nhưng lấy lực lượng vũ trang với 3 thứ quân là bộ đội chủ lực, bộ đội địa phương và dân quân tự vệ làm nòng cốt. Tin tưởng vào lòng yêu nước và tinh thần dũng cảm của lực lượng vũ trang Việt Nam, trong giờ phút cam go nhất, Hồ Chí Minh kêu gọi ở họ tinh thần *"quyết tử cho Tổ quốc quyết sinh"*. Cần nói rằng, giữa lực lượng vũ trang của ta và lực lượng vũ trang của Pháp là một sự tương phản sâu sắc. Quân Pháp có sức mạnh vật chất nhưng quân ta lại có sức mạnh tinh thần, chính xác hơn là *chỉ có* sức mạnh tinh thần. Trong hoàn cảnh "quân đội ta là một quân đội thơ ấu. Tinh thần dũng cảm

[4, 5 và 7] Hồ Chí Minh, *Sđd*, t.4, tr.534, 534 và 534
[6] Phạm Văn Đồng, *Hồ Chí Minh, Một con người, một dân tộc, một thời đại, một sự nghiệp*, Nxb Sự thật, HN. 1990, tr.42

có thừa, nhưng thiếu vũ khí, thiếu kinh nghiệm, thiếu cán bộ, thiếu mọi mặt"[8], cách duy nhất để nâng cao sức chiến đấu của quân đội ta là phải cổ vũ tinh thần hy sinh cao cả của những người lính. Quan điểm của V.I.Lênin: "Trong mọi cuộc chiến tranh, rốt cuộc thắng lợi đều tùy thuộc vào tinh thần của quần chúng đang đổ máu trên chiến trường"[9] đã được Hồ Chí Minh vận dụng triệt để. Đáp lại lòng tin cậy, mong đợi của Hồ Chí Minh, ngay khi chiến tranh bùng nổ, lực lượng vũ trang cách mạng non trẻ đã làm nên bản anh hùng ca bất diệt khi giáng cho kẻ thù những đòn sấm sét. Họ còn làm nên một cuộc rút lui thần kỳ ngay trước mũi súng của kẻ thù sau khi kìm chân chúng ở thủ đô Hà Nội gần 2 tháng. Trên thực tế, kế hoạch "đánh nhanh, thắng nhanh" cũng như mọi kế hoạch tác chiến khác của 8 vị tướng tài của Pháp đều đại bại bởi sức mạnh của quân đội mà đối phương từng miệt thị là "quân đội chân đất", còn Hồ Chí Minh âu yếm gọi là "quân đội ấu thơ".

Thứ năm, Hồ Chí Minh khẳng định thắng lợi tất yếu của dân tộc. Kết thúc *Lời kêu gọi*, Hồ Chí Minh khẳng định một niềm tin tất thắng: "Dù phải gian lao kháng chiến, nhưng với một lòng kiên quyết hy sinh, thắng lợi nhất định về dân tộc ta!. Việt Nam độc lập và thống nhất muôn năm! Kháng chiến thắng lợi muôn năm!"[10]. Như vậy, kết quả thắng lợi đã được Hồ Chí Minh khẳng định ngay từ lúc chưa bắt đầu cuộc chiến. Chúng ta phải đặt lời khẳng định đó vào bối cảnh đất nước năm 1946 mới thấy hết giá trị của nó. Với tinh thần cảnh giác cao độ, ngay từ khi còn tạm thời hòa hoãn với Pháp, Đảng ta và Hồ Chí Minh đã luôn quán triệt quan điểm: "Điều cốt tử là trong khi mở cuộc đàm phán với Pháp, không những không ngừng một phút công việc sửa soạn, sẵn sàng kháng chiến bất cứ lúc nào và ở đâu, mà còn hết sức xúc tiến việc sửa soạn ấy, và nhất định không để cho việc đàm phán với Pháp làm nhụt tinh thần quyết chiến của dân tộc ta"[11]. Thực hiện chủ trương đúng đắn đó, việc chuẩn bị kháng chiến đã sớm diễn ra. Để chuẩn bị cho trận quyết chiến trong lòng Hà Nội, những con đường mới đã xuất hiện trong lòng các ngôi nhà với những bức tường đục xuyên thông. Sân thượng, ban công, cửa sổ trở thành những vị trí bắn, tường nhà được khoét thành lỗ châu mai, nền nhà được đào lên làm hố chiến đấu và hầm trú ẩn...[12]. Không khí sẵn sàng chiến đấu tràn ngập từng căn nhà, từng góc phố và thấm sâu vào từng con người Việt Nam. Tuy nhiên, ngay cả khi đã lường trước tình thế và dốc sức chuẩn bị chiến tranh thì sự chênh lệch về lực lượng, nhất là lực lượng quân sự giữa ta và địch, vẫn vô cùng lớn. "Ngoài 25 triệu người dân giàu lòng yêu nước, cùng 2,4 - 2,7 triệu tấn thóc mỗi năm, Việt Nam không có gì để so sánh với bên đối chiến về lực lượng vật chất và kỹ thuật chiến tranh"[13]. Thực dân Pháp, dù bị suy yếu sau Chiến tranh thế giới thứ hai thì vẫn là cường quốc quân sự, một nước công nghiệp có tiềm lực chiến tranh to lớn, có quân đội nhà nghề được trang bị vũ khí, phương tiện hiện đại. Vì vậy, kẻ thù từng rất ngạo nghễ tuyên bố rằng, nếu chiến tranh xảy ra, chỉ cần khoảng 3 tuần lễ là có thể giải quyết xong vấn đề Việt Nam bằng vũ lực[14]. Tuy nhiên, dù tương quan lực lượng bất lợi, Hồ Chí Minh vẫn *tin vào thắng lợi cuối cùng của dân tộc.*

---

[8] Hồ Chí Minh, *Sđd*, t.7, tr.29

[9] V.I.Lênin, *Toàn tập*, t.41, Nxb Tiến bộ, M. 1977, tr.147

[10] Hồ Chí Minh, *Sđd*, t.4, tr.534

[11] ĐCSVN, *Văn kiện Đảng toàn tập*, t.8, Nxb CTQG, HN. 2000, tr.46

[12] Xem: Võ Nguyên Giáp, *Những năm tháng không thể nào quên*, Nxb Quân đội nhân dân, HN. 2001, tr.356-358

[13] Ban chỉ đạo tổng kết chiến tranh trực thuộc Bộ Chính trị, *Tổng kết cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp - Thắng lợi và bài học*, Nxb CTQG, HN.1996, tr.48

[14] Xem: Vũ Dương Ninh, *Lịch sử quan hệ đối ngoại Việt Nam 1940 - 2010*, Nxb CTQG, HN. 2014, tr.111

Niềm tin ấy là sự kết tinh giữa truyền thống lạc quan của dân tộc và niềm tin khoa học của Chủ nghĩa Mác - Lênin. Trong hoàn cảnh thiếu hụt nghiêm trọng sức mạnh vật chất, việc nâng cao sức mạnh tinh thần cho nhân dân bằng cách truyền cho họ niềm tin mãnh liệt là giải pháp đúng đắn. Trong tác phẩm *Phép dùng binh của ông Tôn Tử*, Hồ Chí Minh từng viết: "Quân đội thắng lợi là vì họ chắc thắng rồi họ mới ra đánh. Quân đội thất bại thì ra đánh rồi mới cầu thắng"[15]. Khẳng định thắng lợi từ khi chiến tranh chưa bắt đầu, Hồ Chí Minh thể hiện tầm nhìn sâu rộng của một nhà chiến lược quân sự đại tài. Niềm tin chiến thắng của Hồ Chí Minh suy cho cùng chính là *niềm tin vào sức mạnh của chính nghĩa, niềm tin vào nhân dân vĩ đại* nên chứa đựng trong đó cả chủ nghĩa nhân văn cao cả và tinh thần cách mạng tiến công. Hồ Chí Minh đã truyền niềm tin mãnh liệt đó cho nhân dân và nó trở thành điểm tựa tinh thần để cả dân tộc Việt Nam vượt bao khó khăn, gian khổ, để 8 năm sau làm nên một Điện Biên Phủ "lừng lẫy năm châu, chấn động địa cầu".

Ngoài những thông điệp nêu trên, *Lời kêu gọi toàn quốc kháng chiến* của Hồ Chí Minh còn giúp chúng ta hiểu thêm tầm vóc tư tưởng và công lao to lớn của một vĩ nhân.

Trước hết, sự kiện toàn quốc kháng chiến ngày 19/12/1946 và *Lời kêu gọi toàn quốc kháng chiến* đã thể hiện *nghệ thuật khởi đầu chiến tranh* của Hồ Chí Minh. Người luôn cho rằng, chiến tranh chỉ nên bắt đầu khi không thể tiếp tục nhân nhượng với kẻ thù và khi công tác chuẩn bị về cơ bản đã hoàn thành. Nếu chiến tranh nhất định phải xảy ra thì cần chủ động bắt đầu để tránh rơi vào thế bị động, dẫn đến sự hoang mang trong dân chúng. Khởi đầu cuộc kháng chiến chống Pháp đã diễn ra đúng như vậy. *Sự chủ động mở đầu chiến tranh* đã mang lại sự thuận lợi cả về tâm lý cũng như hành động tác chiến, đã làm tiêu tan mưu đồ *đánh úp* của quân Pháp, làm cho quân Pháp từ thế *chủ động* thành *bị động*, làm thất bại âm mưu *đánh nhanh thắng nhanh* của chúng. Sự bình tĩnh, mưu lược, quyết đoán trước âm mưu thâm độc và sức mạnh của kẻ thù đã thể hiện *bản lĩnh cầm lái* của Đảng và Chủ tịch Hồ Chí Minh.

Lời kêu gọi toàn quốc kháng chiến còn thể hiện *trách nhiệm cao cả của Hồ Chí Minh và Đảng trước vận mệnh của dân tộc*. Nhớ lại những ngày sau Cách mạng Tháng Tám, trong nước có một số đảng phái cùng *ngóc đầu dậy* đòi chia quyền với Chính phủ cách mạng và Mặt trận Việt Minh. Trong số đó, đặc biệt phản động và nguy hiểm là đảng *Việt Quốc* và đảng *Việt Cách* với âm mưu "diệt cộng, cầm Hồ" để lập nên chính quyền tay sai của Tưởng. Hai đảng này đã ra sức lừa bịp nhân dân bằng những khẩu hiệu yêu nước và dựa vào quân đội Tưởng để gây sức ép với Chính phủ cách mạng. Vì mục tiêu giữ vững chính quyền cách mạng và tập trung chống Pháp ở miền Nam, Hồ Chí Minh đã nhân nhượng cho chúng nhiều quyền lợi, kể cả các quyền lợi chính trị, như thừa nhận 70 ghế trong Quốc hội không qua bầu cử và cho phép đại diện của chúng có mặt trong Chính phủ Liên hiệp kháng chiến. Tuy nhiên, khi quân Tưởng rút đi, sự căng thẳng với Pháp ngày càng gia tăng, vận mệnh dân tộc ngày càng bị đe dọa thì những đảng tay sai này cũng lặng lẽ ra đi *không kèn, không trống*. Lúc đó, chỉ có Chính phủ Hồ Chí Minh và Đảng Cộng sản Đông Dương (dù đã tuyên bố giải tán) tự nguyện gánh lấy trọng trách lịch sử là lãnh đạo toàn dân đứng lên chống thực dân Pháp. Lời tuyên bố "Chính phủ Hồ Chí Minh thề quyết lãnh đạo nhân dân và quân đội chiến đấu đến cùng để phá tan xiềng xích của bọn thực dân, để tranh lại quyền thống nhất và độc lập. Chính phủ Hồ Chí Minh quyết làm trọn cái nhiệm vụ

[15] Hồ Chí Minh, *Sđd*, t.3, tr.564

vẻ vang mà quốc dân đã giao cho và quyết không phụ lòng tin cậy mà đồng bào đặt vào chính phủ"[16] đã thể hiện ý thức trách nhiệm cao của Đảng và Hồ Chủ tịch trước vận mệnh dân tộc. Hồi tưởng lại chặng đường 1945 -1946, nhiều học giả từng đặt câu hỏi: Nếu lúc đó không có Hồ Chí Minh thì không biết lịch sử dân tộc sẽ đi về đâu? Với tất cả sự trải nghiệm của người trong cuộc, Cố Đại tướng Võ Nguyên Giáp đã khẳng định: "Có Đảng, có Bác Hồ bấy giờ là một hồng phúc cho nhân dân ta, cách mạng ta"[17]. Để thực hiện trọng trách dẫn dắt con thuyền dân tộc vượt qua những mỏm đá ghềnh để lướt tới, "mùa đông năm ấy, năm mươi sáu tuổi, với cây gậy trúc và đôi dép cao su, Người đã lên đường đi kháng chiến... Cả dân tộc ta đã đứng lên theo tiếng gọi của Người và lập nên những chiến công lớn ngay trong mùa đông giá lạnh đầu tiên của cuộc kháng chiến toàn quốc"[18]. Lịch sử mãi khắc ghi những năm tháng hào hùng của dân tộc và công lao to lớn đó của Đảng và Chủ tịch Hồ Chí Minh vĩ đại.

Ra đời trong thời khắc cam go của lịch sử, lời "hịch cứu nước" của Hồ Chí Minh đã "chạm" tới điều sâu thẳm trong tâm hồn mỗi người Việt Nam là lòng yêu nước và khát vọng tự do, đã thổi bùng ngọn lửa chủ nghĩa anh hùng cách mạng trong những con người bình dị. "Nhất hô, bá ứng", cuộc chiến đấu mà kẻ thù buộc dân tộc Việt Nam phải bước vào cuối cùng lại là nấm mồ chôn chủ nghĩa thực dân cũ và phế truất vai trò cường quốc quân sự của nước Pháp trên phạm vi toàn thế giới. Một dân tộc "lưng đeo gươm, tay mềm mại bút hoa" dưới bàn tay của *người nhạc trưởng* vĩ đại Hồ Chí Minh đã làm nên một bản hùng ca bất diệt và một chân lý mới của thời đại: Một dân tộc dù nhỏ bé, nếu biết quyết tâm, đoàn kết chiến đấu và có một đường lối đúng thì có thể đánh bại bất cứ tên đế quốc sừng sỏ nào. Chân lý ấy đã mang lại cho con người niềm tin vào sức mạnh của lẽ phải và sự công bằng, cổ vũ con người hành động đúng đạo lý. Đó chính là giá trị nhân văn trong *Lời kêu gọi toàn quốc kháng chiến* và cũng là ý nghĩa quốc tế của các cuộc kháng chiến chống ngoại xâm của nhân dân ở Việt Nam.

Sinh thời, Chủ tịch Hồ Chí Minh từng nói về chức phận của mình: "Phận sự tôi như một người cầm lái, phải chèo chống thế nào để đưa chiếc thuyền Tổ quốc vượt khỏi những cơn sóng gió, mà an toàn đi đến bờ bến hạnh phúc của nhân dân"[19]. Trong những thời điểm khốc liệt nhất của lịch sử, Hồ Chí Minh đã làm trọn chức phận của thủ lĩnh dân tộc khi kịp thời cổ vũ, động viên, hướng dẫn nhân dân tiến hành cuộc chiến tranh để bảo vệ nền độc lập thiêng liêng của Tổ quốc. Tròn 70 năm trôi qua kể từ ngày Hồ Chủ tịch đọc *Lời kêu gọi toàn quốc kháng chiến*, nhưng âm hưởng hào hùng của quá khứ và những thông điệp lịch sử trong áng thiên cổ hùng văn ấy vẫn vang vọng trong tâm hồn của nhân dân Việt Nam❑

◆◆◆❑◆◆◆❑◆◆◆❑◆◆◆❑◆◆◆❑◆◆◆

"Chiến tranh có thể kéo dài 5 năm, 10 năm, 20 năm hoặc lâu hơn nữa. Hà Nội, Hải Phòng và một số thành phố, xí nghiệp có thể bị tàn phá, song nhân dân Việt Nam quyết không sợ! Không có gì quý hơn độc lập, tự do".

Hồ Chí Minh, *Toàn tập*, t.15, Nxb Chính trị quốc gia, HN. 2011, tr.131

[16] *Lịch sử biên niên Đảng Cộng sản Việt Nam*, t.3, Nxb CTQG, HN. 2009, tr.242

[17] và [18] Võ Nguyên Giáp, *Những năm tháng không thể nào quên*, *Sđd*, tr.383 và 378-379

[19] Hồ Chí Minh, *Sđd*, t.4, tr.191